

ĐỀ THI TIẾNG VIỆT LỚP 1

Thời gian: **Không giới hạn** | Số câu: **10**

Họ và tên thí sinh: _____

Lớp / Đơn vị: _____

Số báo danh: _____

Ngày thi: _____

1. Chữ cái nào đứng đầu bảng chữ cái tiếng Việt?

A. A

B. B

C. C

D. D

2. Từ nào sau đây là danh từ?

A. Chạy

B. Mèo

C. Đẹp

D. Vui

3. Chọn từ đồng nghĩa với từ 'to lớn':

A. Nhỏ

B. Khổng lồ

C. Hẹp

D. Thấp

4. Câu nào sau đây là câu hỏi?

A. Hôm nay trời đẹp.

B. Bạn có khỏe không?

C. Tôi thích ăn cơm.

D. Chúng ta đi chơi.

5. Chọn từ trái nghĩa với từ 'sáng':

A. Tối

B. Sáng

C. Mờ

D. Rực rỡ

6. Đây là động từ trong câu: 'Cô giáo dạy học sinh.'?

- A.** Cô giáo
- B.** dạy
- C.** học sinh
- D.** học

7. Chữ nào không phải là nguyên âm?

- A.** A
- B.** E
- C.** B
- D.** O

8. Từ nào sau đây có nghĩa là 'đi bộ'?

- A.** Chạy
- B.** Đi
- C.** Ngồi
- D.** Nằm

9. Câu nào sau đây có dấu hỏi?

- A.** Bạn có muốn đi không?
- B.** Tôi thích ăn trái cây.
- C.** Chúng ta sẽ học bài.
- D.** Trời đang mưa.

10. Chọn từ có âm đầu là 'm':

- A.** Mèo
- B.** Cá
- C.** Gà
- D.** Bò

ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A	B	B	B	A	B	C	B	A	A